

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 18 tháng 8 năm 2021  
“*V/v tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chiến.

Bà Lê Thị Minh Khánh.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST- HNGĐ ngày 01/4/2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm 79/2021/QĐ-ST ngày 29/7/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đông, xã Cảnh Th, huyện Yên D, tỉnh B.

**Bị đơn:** Anh Lưu Tuấn A, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đông, xã Cảnh Th, huyện Yên D, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại Hàn Quốc không rõ địa chỉ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2021, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Ngày 23/5/2016 chị và anh Lưu Tuấn A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cảnh Th, huyện Yên D, tỉnh B. Vợ chồng sống chung đến ngày 03/7/2019 thì anh Lưu Tuấn A có đi nước ngoài lao động đến 03/9/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do tính cách không hòa hợp, hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng vẫn không thể dung hòa được cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng chị

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, có những lúc không hề nói chuyện với nhau suốt một thời gian dài. Tình cảm vợ chồng dần dần nhạt phai khi mâu thuẫn ngày càng tăng lên. Quan điểm về cuộc sống không đồng nhất dẫn đến không thể nói chuyện, chia sẻ với nhau. Bản thân chị đã cố gắng nhưng không giải quyết được, chị cảm thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Lưu Tuấn A có 01 con chung là: Lưu Bảo Kh, sinh ngày 27/9/2016. Hiện cháu Kh đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Hiện tại anh Lưu Tuấn A sinh sống tại địa chỉ cụ thể như thế nào chị không được biết. Chị đã nhiều lần hỏi bố mẹ anh Lưu Tuấn A và yêu cầu anh Tuấn A cung cấp địa chỉ cụ thể hiện anh Tuấn A đang sinh sống và làm việc ở Hàn Quốc nhưng anh Tuấn A cũng như gia đình anh Tuấn A không cung cấp cho chị. Do chị bận công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án.

*Bị đơn anh Lưu Tuấn A hiện đang lao động tại Hàn Quốc vắng mặt tại phiên tòa.*

Ngày 11/5/2021 và ngày 23/6/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ anh Lưu Tuấn A là ông Lưu Văn C, địa chỉ: Thôn Đông, xã Cảnh Th, huyện Yên D, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông C thông báo cho anh Tuấn A biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Tuấn A; yêu cầu anh Tuấn A viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông C cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Lưu Tuấn A ở Hàn Quốc. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc ông C vẫn giữ nguyên quan điểm là anh Lưu Tuấn A hiện ở Hàn Quốc nhưng ông không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Lưu Tuấn A ở Hàn Quốc cho Tòa án vì ông biết địa chỉ cụ thể. Ông đã thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Tuấn A biết để anh Tuấn A gửi lời khai về. Ông C cho biết về việc chị H xin ly hôn, anh Lưu Tuấn A có quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Tuấn A đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh Lưu Tuấn A đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng cháu Lưu Bảo Khoát.

Về cấp dưỡng: Anh Lưu Tuấn A đồng ý cấp dưỡng cho chị H nuôi con là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Lưu Tuấn A xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Tuấn Gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lưu Tuấn A vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử đã công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện của chị H, Biên bản xác minh với bố đẻ của anh Tuấn là ông Lưu Văn C và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh B phát biểu:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử: chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lưu Tuấn A.

Về con chung: Giao 01 con chung là Lưu Bảo Kh, sinh ngày 27/9/2016 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Anh Lưu Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lưu Tuấn A phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Lưu Tuấn A là ông Lưu Văn C để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông C thông báo cho anh Tuấn biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Tuấn A; yêu cầu anh Tuấn biết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông C cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tuấn ở Hàn Quốc. Ông C trình bày anh Tuấn vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ 2 mà ông C vẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn anh Lưu Tuấn A cho Tòa án. Ông C trình bày ông đã thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Tuấn biết để anh Tuấn gửi lời khai về cho Tòa án. Nhưng kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Tuấn gửi về. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy Tòa án căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn anh Lưu Tuấn A theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Lưu Tuấn A, anh Tuấn A hiện đang lao động tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 15671/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin XNC ngày 13/7/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an), địa chỉ cuối cùng của anh Tuấn ở Việt Nam: Thôn Đông, xã Cảnh Th, huyện Yên D, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 23/5/2016 chị và anh Lưu Tuấn A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cảnh Th. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách không hòa hợp, hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng vẫn không thể dung hòa được cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, có những lúc không hề nói chuyện với nhau suốt một thời gian dài. Tình cảm vợ chồng dần dần nhạt phai khi mâu thuẫn ngày càng tăng lên. Quan điểm về cuộc sống không đồng nhất dẫn đến không thể nói chuyện, chia sẻ với nhau. Bản thân

chị đã cố gắng nhưng không giải quyết được, chị cảm thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Tuấn Đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Lưu Tuấn A.

[4] .Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Tuấn A có 01 con chung là Lưu Bảo Kh, sinh ngày 27/9/2016. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu xin được nuôi con chung của chị H là chính đáng. Hiện nay anh Tuấn A đang ở nước ngoài, không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, cần giao con chung là Lưu Bảo Kh, sinh ngày 27/9/2016 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị H yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/1 tháng là cao so với điều kiện thực tế và thu nhập của hai bên. Do vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận việc anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.500.000đồng/1 tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Lưu Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Lưu Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Anh Lưu Tuấn A phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật hôn nhân gia đình, khoản 1 Điều 37, Điều 227, khoản 1 Điều 147, Điều 160, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lưu Tuấn A.

**2. Về con chung:** Giao con chung là Lưu Bảo Kh, sinh ngày 27/9/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Lưu Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.500.000đ/tháng kể từ ngày 18/8/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Lưu Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lưu Tuấn A về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000920 ngày 01/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Anh Lưu Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**4. Về quyền kháng cáo:**

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Lưu Tuấn A hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Cảnh Th, huyện Yên D;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA, HCTP.

**Trần Thị Hà**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến Lê Thị Minh Khánh**

**Trần Thị Hà**





